TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 9 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Hồng Biên;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Chấn Hưng.

Ông Vũ Anh Tuấn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Quang Bảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cát Hải;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về Ly hôn và tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn B; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Ninh; cư trú: Số 99 đường V, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Hà Thị D; cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Cát Hải của nguyên đơn anh Nguyễn Văn B trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh và chị Hà Thị D kết hôn năm 2016, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Bắc Ninh. Trong quá trình chung sống hai bên hạnh phúc được một thời gian ngắn sau đó đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và cách sống khác biệt nhau, trong cuộc

sống không có tiếng nói chung, thường xuyên có chuyện va chạm, cãi vã làm cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Đầu năm 2017 anh B và chị D đã sống ly thân và không quan tâm gì đến nhau kể từ đó đến nay. Hiện nay mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã vô cùng căng thẳng, trầm trọng nên anh B có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết được ly hôn chị D.

Về con chung: Anh và chị Hà Thị D có 01 con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 03 tháng 6 năm 2016 hiện nay đang ở với mẹ là chị Hà Thị D. Do tính chất công việc anh thường xuyên đi sớm về khuya, chưa có chỗ ở ổn định, không có nhiều thời gian chăm sóc con vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị D nuôi dưỡng, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.00 đồng.

Về tài sản chung: Anh và chị Hà Thị D không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cát Hải đã tống đạt hợp lệ Thông báo và Giấy triệu tập theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho chị Hà Thị D để lấy lời khai, hòa giải. Tuy nhiên chị Hà Thị D không có mặt tại Tòa án và cũng không gửi bản tự khai hay các văn bản khác trình bày quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện đối với nguyên đơn Nguyễn Văn B. Tòa án nhân dân huyện Cát Hải đã tiến hành lập biên bản về việc không lấy được lời khai, hòa giải của bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ ở địa phương cũng như việc trình bày ý kiến của hai bên gia đình đương sự đều thể hiện việc nguyên đơn và bị đơn có mâu thuẫn trầm trọng. Do hai bên khi kết hôn chưa có quá trình tìm hiểu kỹ càng, tính cách, cách sống khác biệt nhau nên thường xảy ra cãi vã, bên cạnh đó do chi D nghi ngờ anh B có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác đã làm cho mâu thuẫn giữa hai bên ngày càng trầm trọng, căng thẳng, hai bên đã sống ly thân với nhau được một thời gian. Chính quyền địa phương và gia đình đã cố gắng hòa giải nhưng không được nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hai bên đương sự có 01 con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 03 tháng 6 năm 2016 hiện nay đang ở với mẹ tại nhà của ông bà ngoại ở tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Cát Hải. Chị Hà Thị D đang cư trú tại nhà bố mẹ đẻ, có thu nhập ổn định đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng dân sự: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án.

Nguyên đơn đã tuân thủ nghiêm chỉnh yêu cầu của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có quan điểm giải quyết vụ án. Tại phiên tòa xét xử ngày 11 tháng 9 năm 2018 vắng mặt không có lý do và tại phiên tòa hôm nay bị

đơn vẫn vắng mặt không có lý do, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Anh Nguyễn Văn B và chị Hà Thị D kết hôn năm 2016, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Bắc Ninh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống hai bên hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và cách sống của hai anh chị không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã làm cuộc sống giữa hai vợ chồng căng thẳng. Hiện tại anh B và chị D đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải có quan điểm như sau: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn B và chị Hà Thị D đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn B được ly hôn với chị Hà Thị D; giao con chung là Nguyễn Phương T sinh ngày 03 tháng 6 năm 2016 cho chị Hà Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có quy định khác của pháp luật; về cấp dưỡng nuôi con chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn B mỗi tháng cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng; về chia tài sản chung, nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét; anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án về Ly hôn và tranh chấp nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án. Trong đó bị đơn có nơi cư trú tại tổ dân phố H, thị trấn H, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải.

[2] Về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án: Toà án đã tiến hành triệu tập các đương sự để lấy lời khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải để hai bên đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án theo quy định tại Điều 205, 208 và Điều 209 của Bộ luật Tố tụng dân

sự. Nguyên đơn đã có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án tuy nhiên bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, không gửi văn bản, ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn cũng như quan điểm về việc giải quyết vụ án như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Anh Nguyễn Văn B và chị Hà Thị D có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đây là quan hệ hôn nhân phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống do hai bên có những bất đồng quan điểm sống, do tính cách sống của hai vợ chồng không có điểm chung nên giữa hai bên đã phát sinh mẫu thuẫn trong gia đình, đặc biệt hai bên đã có thời gian sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Tòa án đã tiến hành hai phiên hòa giải để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, tạo điều kiện cho hai bên đương sự về đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình, tuy nhiên cả hai phiên hòa giải bị đơn đều vắng mặt không có lý do chính đáng điều này chứng tỏ bị đơn đã không còn thiết tha với hạnh phúc gia đình và hàn gắn quan hệ vợ chồng. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, gia đình bị đơn và nguyên đơn đều thể hiện hai bên đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài hơn một năm nay, hiện đang sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, xét yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh Nguyễn Văn B và chị Hà Thị D có 01 con chung là cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 03 tháng 6 năm 2016, anh B có yêu cầu giao con chung cho chị D nuôi dưỡng. Xét thấy cháu T vẫn còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), từ nhỏ đã sống cùng với mẹ vì vậy việc giao cháu cho mẹ nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh B tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng, việc tự nguyện cấp dưỡng không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh Nguyễn Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228**,** Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ

luật Dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B được ly hôn với chị Hà Thị D.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phương T, sinh ngày 03 tháng 6 năm 2016 cho chị Hà Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn B mỗi tháng phải cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Phương T cho chị Hà Thị D với số tiền là 3.000.000 (ba triệu) đồng kể từ tháng 10 năm 2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ nuôi con, tổng cộng là 600.000 (sáu trăm ngàn) đồng. Nhưng được trừ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải theo biên lai thu tiền số 0010175 ngày 25 tháng 6 năm 2018. Anh Nguyễn Văn B còn phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện Cát Hải;
- Chi cục THADS huyện Cát Hải;
- UBND xã L, huyện B, tỉnh Bắc Ninh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Hồng Biên